

Bản án số: 07/2025/HS-ST

Ngày: 07-8-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Chiến Trực

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Đẩu

2. Bà Mai Thị Nhắc

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tuấn Khanh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Gặp – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2025/TLST-HS ngày 15/7/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 09/2025/QĐXXST-HS ngày 24/7/2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Minh G, sinh ngày 21/12/2006 tại tỉnh Vĩnh Long; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là ấp A, xã Đ1, tỉnh Vĩnh Long); căn cước công dân số: 083206000815; danh bản, chỉ bản số: 29 lập ngày 02/4/2025 tại Công an tỉnh Bến Tre (nay là tỉnh Vĩnh Long); trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: làm thuê; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Trần Thị Th, sinh năm 1974.

Nơi cư trú: ấp A, xã Đ1, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Trần Thị Thanh T1, sinh năm 1995.

Nơi cư trú: khu phố B, thị trấn M2, huyện M, tỉnh Bến Tre, nay là xã M2, tỉnh Vĩnh Long.

2. Lương Thiện Q, sinh năm 1998.

Nơi cư trú: ấp Á, xã B1, huyện M, tỉnh Bến Tre, nay là xã Đ1, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 11/02/2025, Nguyễn Minh G đến nhà bạn là Nguyễn Khánh D1, sinh năm 2006 ở ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là ấp A, xã Đ1, tỉnh Vĩnh Long) chơi rồi ở lại ngủ chung phòng với D1. Đến khoảng 08 giờ 40 phút ngày 12/02/2025, G thức dậy đi lên nhà trên thấy không có người và D1 còn ngủ nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản là tiền để tiêu xài cá nhân và trả tiền mua xe trước đó. G vào phòng ngủ của mẹ ruột D1 là bà Trần Thị Th, sinh ngày 09/01/1974 mở tủ quần áo thì thấy bên trong có 01 túi xách da, G mở ngăn kéo túi xách thấy có nhiều tiền nên lấy 01 cọc mệnh giá 200.000 đồng, 01 cọc mệnh giá 500.000 đồng và còn 01 cọc mệnh giá 500.000 đồng còn lại G rút lấy vài chục tờ không lấy hết, tổng số tiền G lấy trộm được là 89.800.000 đồng. Xong G đi xuống nhà sau mở cốp xe mô tô biển số 71AK-049.47 của mình bỏ vào rồi điều khiển đến lò dừa Th1 ở ấp Định Hưng, xã Định Thủy, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (nay là ấp Định Hưng, xã Đồng Khởi, tỉnh Vĩnh Long) để làm. Đến 12 giờ 30 phút cùng ngày, G đến cửa hàng Điện Máy X ở Khu phố 2, thị trấn Mỏ Cày, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (nay là ấp 2, xã Mỏ Cày, tỉnh Vĩnh Long) lấy số tiền trộm được nhờ nhân viên chuyển trả 34.000.000 đồng tiền mua chiếc xe 71AK-049.47 trả góp cho Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn HD. Sau đó, G tiếp tục đến cửa hàng điện thoại M3 ở ấp Định Nghĩa, xã Định Thủy, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (nay là ấp Định Nghĩa, xã Đồng Khởi, tỉnh Vĩnh Long) nhờ chị Ngô Thị P3, sinh năm 1986 chuyển khoản 16.500.000 đồng tiền mua máy tính xách tay nhưng bị nhầm số tài khoản, sau đó được chuyển trả lại. Số tiền còn lại 39.300.000 đồng G bỏ vào túi nilon màu đen đem về nhà ở ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là ấp A, xã Đ1, tỉnh Vĩnh Long) cất giấu. Sau khi phát hiện bị mất tài sản, bà Thẩm đến Công an xã Định Thủy (nay là Công an xã Đồng Khởi) trình báo sự việc.

Vật chứng, đồ vật tạm giữ (Bút lục 15-20; 73-80) gồm:

- Thu giữ tại nhà của Nguyễn Minh G số tiền 39.300.000 đồng và 01 (một) túi nilon màu đen.

- Nguyễn Minh G giao nộp số tiền 16.500.000 đồng do chủ số tài khoản chuyển nhầm chuyển lại cho bà Ngô Thị P3 đưa cho G.

- Chị Trần Thị Thanh T1 là nhân viên Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn HD giao nộp số tiền 34.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Minh G đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với kết quả thực nghiệm điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng tạm giữ và các chứng cứ khác.

Ngày 02/4/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bến Tre ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 1840/QĐ-VPCQCSĐT trả cho bà Trần Thị Th số tiền 89.800.000 đồng và Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 1839/ QĐ-VPCQCSĐT trả cho Nguyễn Minh G 01 túi nilon màu đen (bút lục số: 71-72, 90-93). Hiện không còn vật chứng tạm giữ.

Bị hại Trần Thị Th đã nhận số tiền bị chiếm đoạt 89.800.000 đồng nên không có yêu cầu gì khác và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị can (Bút lục 96-97, 216-219).

Tại Cáo trạng số 03/CT-VKSKV9 ngày 14/7/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long đã truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị:

Về hình phạt chính, áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo tù 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng.

Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp và trách nhiệm dân sự: ghi nhận bị hại Trần Thị Th đã nhận lại số tiền 89.800.000 đồng và không yêu cầu gì thêm nên không xem xét giải quyết.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: bị cáo rất ăn năn hối cải, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để sau này làm người tốt hơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu giải quyết vắng mặt, trong quá trình điều tra, họ đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại Điều 292; Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người tham gia tố tụng và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, đủ cơ sở xác định: vào ngày 12/02/2025, Nguyễn Minh G có thực hiện hành vi lấy trộm của bị hại Trần Thị Th số tiền là 89.800.000 đồng. Sau đó, G đến cửa hàng Điện Máy X ở Khu phố 2, thị trấn Mỏ Cày, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (nay là ấp 2, xã Mỏ Cày, tỉnh Vĩnh Long) lấy số tiền trộm được nhờ nhân viên chuyển trả 34.000.000 đồng tiền mua chiếc xe biển số 71AK-049.47 trả góp cho Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn HD. Sau đó, G tiếp tục đến cửa hàng điện thoại M3

ở ấp Định Nghĩa, xã Định Thủy, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (nay là ấp Định Nghĩa, xã Đồng Khởi, tỉnh Vĩnh Long) nhờ chị Ngô Thị P3, sinh năm 1986 chuyển khoản 16.500.000 đồng tiền mua máy tính xách tay nhưng bị nhầm số tài khoản, sau đó được chuyển trả lại. Số tiền còn lại 39.300.000 đồng G bỏ vào túi nilon màu đen đem về nhà ở ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là ấp A, xã Đ1, tỉnh Vĩnh Long) cất giấu.

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận biết rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm, xuất phát từ động cơ tư lợi bất chính, bị cáo có đủ sức khỏe đề lao động tạo ra của cải, vật chất cho bản thân nhưng bị cáo lại lợi dụng sơ hở, sự tin tưởng của gia đình bị hại cho bị cáo ngủ tại nhà của bị hại để rồi bị cáo cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại, giá trị tài sản chiếm đoạt 89.800.000 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: ...

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng:

...”

Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, hoàn toàn đúng người, đúng tội.

[4] Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, lợi dụng chủ sở hữu thiếu cảnh giác trong việc quản lý tài sản đã thực hiện hành vi phạm tội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là sai, là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm mục đích để thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Khi bị cáo thực hiện tội phạm đã gây ra tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động, trong sinh hoạt hàng ngày.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: “Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại, người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” được quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị hại Trần Thị Th có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo thuộc trường hợp quy

định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, đồng thời cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung nên cần thiết áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: do bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp và trách nhiệm dân sự: ghi nhận bị hại Trần Thị Th đã nhận lại số tiền 89.800.000 đồng và không yêu cầu gì thêm nên không xem xét giải quyết; bị cáo đã được trả lại 01 túi nilon màu đen.

[8] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, hình phạt, xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp là phù hợp nên được chấp nhận.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: bị cáo bị kết án nên phải chịu theo quy định của Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh G phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh G 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2. Về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự: ghi nhận bị hại Trần Thị Th đã nhận lại số tiền 89.800.000 (tám mươi chín triệu tám trăm nghìn) đồng và không yêu cầu gì thêm nên không xem xét giải quyết; bị cáo Nguyễn Minh G đã được trả lại 01 túi nilon màu đen và không yêu cầu gì thêm nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí sơ thẩm: áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Minh G nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

4. Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- VKSND KV9-Vĩnh Long (1b);
- Cơ quan điều tra CA tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Phòng THA dân sự KV9-Vĩnh Long (1b);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Vĩnh Long (1b);
- UBND xã Đồng Khởi (1b);
- Bị cáo, NTGTT (4b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (3b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Mai Chiến Trực

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Văn Đẩu

Mai Thị Nhắc

Mai Chiến Trục

